

Bộ Tài nguyên và Môi trường
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2023 -2024
(Kèm theo thông báo số /TB-TĐHHN ngày tháng năm 2023 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	544	1	13	100	398	32	0	0	420	109	16
1	Khối ngành III	201	0	2	22	161	16	0	0	168	31	3
a	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	175	0	2	20	142	11	0	0	145	29	2
	Ngành Quản trị kinh doanh	45	0	0	5	35	5	0	0	39	6	0
	Ngành Marketing	37	0	1	4	28	4	0	0	28	8	1
	Ngành Bất động sản	30	0	0	5	25	0	0	0	26	4	0
	Ngành Kế toán	63	0	1	6	54	2	0	0	52	11	1
b	Lĩnh vực Pháp luật	26	0	0	2	19	5	0	0	23	2	1
	Ngành Luật	26	0	0	2	19	5	0	0	23	2	1
2	Khối ngành IV	31	0	2	10	19	0	0	0	20	9	2

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
a	Lĩnh vực Khoa học sự sống	5	0	0	4	1	0	0	0	1	4	0
	Ngành Sinh học ứng dụng	5	0	0	4	1	0	0	0	1	4	0
b	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	26	0	2	6	18	0	0	0	19	5	2
	Ngành Khí tượng và khí hậu học	7	0	0	2	5	0	0	0	5	2	0
	Ngành Thủy văn học	11	0	1	1	9	0	0	0	8	2	1
	Ngành Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	8	0	1	3	4	0	0	0	6	1	1
3	Khối ngành V	144	0	5	34	101	4	0	0	104	35	5
a	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	79	0	1	16	58	4	0	0	58	20	1
	Ngành Công nghệ thông tin	79	0	1	16	58	4	0	0	58	20	1
b	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	44	0	1	13	30	0	0	0	33	10	1
	Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	22	0	1	10	11	0	0	0	13	8	1
	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	22	0	0	3	19	0	0	0	20	2	0
c	Lĩnh vực Kỹ thuật	8	0	2	2	4	0	0	0	4	2	2
	Ngành Kỹ thuật địa chất	4	0	1	2	1	0	0	0	1	2	1
	Ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	4	0	1	0	3	0	0	0	3	0	1

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
d	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	13	0	1	3	9	0	0	0	9	3	1
	Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	13	0	1	3	9	0	0	0	9	3	1
4	Khối ngành VII	168	1	4	34	117	12	0	0	128	34	6
a	Lĩnh vực Nhân văn	24	0	0	1	17	6	0	0	19	5	0
	Ngành Ngôn ngữ Anh	24	0	0	1	17	6	0	0	19	5	0
b	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	60	0	0	6	49	5	0	0	55	5	0
	Ngành Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	44	0	0	5	34	5	0	0	40	4	0
	Ngành Quản trị khách sạn	16	0	0	1	15	0	0	0	15	1	0
c	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	84	1	4	27	51	1	0	0	54	24	6
	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	30	1	3	10	16	0	0	0	15	10	5
	Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	11	0	0	2	9	0	0	0	9	2	0
	Ngành Quản lý đất đai	27	0	1	9	17	0	0	0	18	8	1
	Ngành Quản lý tài nguyên nước	6	0	0	2	4	0	0	0	5	1	0
	Ngành Quản lý biển	10	0	0	4	5	1	0	0	7	3	0